



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2026/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực
chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2026-2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức; Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 217/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo trước ngày Nghị quyết này hết hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hỗ trợ đào tạo theo Nghị quyết này cho tới khi kết thúc khóa học theo quy định.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Bãi bỏ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2025-2030.

b) Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc quy định hỗ trợ nhà giáo, học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và ngành

công nghiệp bán dẫn phục vụ nền công nghiệp số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2024-2030.

c) Nghị quyết số 54/2002/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2002 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về khuyến khích, ưu đãi bác sĩ về công tác tại trạm y tế cơ sở.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khoá XX, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Việt Oanh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2026-2030

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2026/NQ-HĐND ngày 26/6/2026
của HĐND tỉnh Bắc Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội), cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc tỉnh Bắc Ninh quản lý, giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thu hút

a) Công dân Việt Nam được công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư trong nước, có bằng tiến sĩ trong nước hoặc nước ngoài.

b) Công dân Việt Nam có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên đối với các ngành, chuyên ngành đào tạo trong nước hoặc nước ngoài phục vụ công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp số, chuyển đổi số (quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này).

c) Công dân Việt Nam tốt nghiệp các ngành, chuyên ngành y ở trong nước hoặc nước ngoài (gồm: Bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y) có trình độ: Tiến sĩ, thạc sĩ, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú, kỹ sư y học hạt nhân, kỹ sư kỹ thuật hạt nhân y học.

d) Ngoài đối tượng quy định tại điểm a, b và c khoản này, thực hiện thu hút đối

với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc hoặc tốt nghiệp thủ khoa các trường đại học trong nước hoặc nước ngoài; chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực có chuyên môn cao, người có tài năng đặc biệt xuất sắc trên các lĩnh vực.

2. Đối tượng hỗ trợ đào tạo

a) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh quản lý đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị tại Điều 1 quy định này được công nhận đạt tiêu chuẩn giáo sư, phó giáo sư, được cấp bằng tiến sĩ trong nước hoặc nước ngoài.

b) Đối với các ngành, chuyên ngành đào tạo ở trong nước hoặc nước ngoài quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này, ngoài hỗ trợ người có trình độ quy định tại điểm a khoản này hỗ trợ đối với người được cấp bằng trình độ thạc sĩ.

c) Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương không tuyển dụng hoặc tiếp nhận được người đảm nhận vị trí việc làm về công nghệ thông tin thực hiện hỗ trợ để công chức, viên chức đi đào tạo trình độ cử nhân văn bằng hai các ngành, chuyên ngành liên quan đến công nghệ thông tin.

d) Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hợp đồng lao động có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định giảng dạy trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành, nghề phục vụ công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và công nghiệp số (quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này) tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh được cử đi đào tạo trong nước hoặc nước ngoài và được cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ.

đ) Công chức, viên chức ngành y tế được cử đi đào tạo chuyên ngành y trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú ở trong nước và nước ngoài.

e) Viên chức ngành y tế được cử đi đào tạo chuyên ngành y để phát triển kỹ thuật chuyên sâu, kỹ thuật cao ở trong nước và nước ngoài; đơn vị sự nghiệp y tế công lập tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chính sách thu hút cán bộ, công chức, viên chức

1. Điều kiện thu hút

Người được hưởng chính sách thu hút khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện về tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức theo quy định của pháp luật. Không trong thời gian bị điều tra, truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt, đang bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc đang trong thời gian thi hành kỷ luật.

b) Cơ quan, đơn vị tuyển dụng, tiếp nhận còn biên chế hoặc số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt đối với vị trí việc làm cần thu hút.

c) Có ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu chuyên môn của vị trí việc làm; trường hợp đào tạo ở nước ngoài thì văn bằng tốt nghiệp phải được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định của pháp luật.

d) Có cam kết làm việc tại các cơ quan, đơn vị tại Điều 1 quy định này trong thời gian ít nhất 10 năm (120 tháng) kể từ ngày có quyết định tuyển dụng, tiếp nhận của cấp có thẩm quyền.

2. Nguyên tắc thu hút

a) Hỗ trợ một lần bằng tiền sau khi người được thu hút hoàn thiện hồ sơ và có quyết định tuyển dụng, tiếp nhận của cấp có thẩm quyền.

b) Trường hợp đối tượng thu hút có nhiều bằng cấp, học hàm, học vị khác nhau thì được hưởng mức hỗ trợ đối với một trình độ chuyên môn, học hàm hoặc học vị cao nhất phù hợp với yêu cầu chuyên môn của vị trí việc làm.

c) Trường hợp số lượng người nộp hồ sơ thu hút thông qua hình thức tiếp nhận vào làm cán bộ, công chức, viên chức nhiều hơn chỉ tiêu thu hút thì ưu tiên thu hút người có xếp loại tốt nghiệp cao hơn; nếu cùng trình độ thì ưu tiên người có kết quả học tập cao hơn cho đến chỉ tiêu cuối cùng. Trường hợp ở chỉ tiêu cuối cùng có nhiều người có cùng trình độ, xếp loại tốt nghiệp thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền thu hút quyết định.

d) Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng được tuyển dụng theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội,

vào làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý, ngoài hưởng chính sách theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP còn được hưởng chính sách thu hút theo Quy định tại Nghị quyết này nếu có ngành, chuyên ngành và trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm cần thu hút.

đ) Trong thời gian Quy định này có hiệu lực, cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế tỉnh Bắc Ninh quản lý tự nguyện xin chuyển ra ngoài hệ thống các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý, sau đó xin tiếp nhận, điều động trở lại tỉnh làm việc thì không được hưởng chính sách thu hút theo Quy định này.

e) Việc thu hút đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 quy định này giao Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định trước khi quyết định thu hút.

3. Nội dung và mức thu hút

a) Người được công nhận chức danh giáo sư: 1.200 triệu đồng.

b) Người được công nhận chức danh phó giáo sư: 700 triệu đồng.

c) Người có bằng tiến sĩ: 350 triệu đồng.

d) Đối với các ngành, chuyên ngành quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này: Mức thu hút đối với người có trình độ thạc sĩ 150 triệu đồng, đại học 100 triệu đồng.

đ) Đối với người được thu hút theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 quy định này mức thu đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc hoặc thủ khoa các trường đại học trong nước hoặc nước ngoài 100 triệu đồng; chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực có chuyên môn cao, người có tài năng đặc biệt xuất sắc trên các lĩnh vực 200 triệu đồng.

e) Người có bằng tốt nghiệp các ngành, chuyên ngành y (gồm: bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y) mức thu hút như sau:

Đơn vị tuyển tỉnh: Trình độ tiến sĩ 500 triệu đồng, các chuyên ngành đặc thù (tâm thần, giải phẫu bệnh, pháp y, pháp y tâm thần, truyền nhiễm và hồi sức cấp cứu) 600 triệu đồng; Trình độ chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú 300 triệu đồng, các chuyên ngành đặc thù (tâm thần, giải phẫu bệnh, pháp y, pháp y tâm thần, truyền nhiễm và hồi sức cấp cứu) 400 triệu đồng; Trình độ chuyên khoa cấp I, thạc sĩ 200 triệu đồng, các chuyên ngành đặc thù (tâm thần, giải phẫu bệnh, pháp y, pháp y tâm thần, truyền

nhằm và hồi sức cấp cứu) 300 triệu đồng; Trình độ kỹ sư y học hạt nhân, kỹ sư kỹ thuật hạt nhân y học 100 triệu đồng.

Đơn vị tuyển xã: Trình độ tiến sĩ 700 triệu đồng; Trình độ chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú 500 triệu đồng; Trình độ chuyên khoa cấp I, thạc sĩ 400 triệu đồng.

4. Chính sách ưu tiên

Đối tượng thu hút ngoài được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều này, trong quá trình công tác được các cơ quan, đơn vị tạo điều kiện:

a) Được bố trí, phân công công việc phù hợp với năng lực, trình độ, chuyên ngành được đào tạo; được tạo điều kiện thuận lợi về môi trường làm việc để phát huy năng lực, sở trường, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

b) Được ưu tiên xem xét cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Được ưu tiên xem xét quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức, viên chức

1. Điều kiện hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Bắc Ninh quản lý được cử đi đào tạo hoặc cán bộ, công chức, viên chức ở ngoài tỉnh được cử đi đào tạo nhưng chưa tốt nghiệp sau đó chuyển về tỉnh Bắc Ninh công tác được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Không trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật hoặc đang trong thời gian thi hành kỷ luật.

b) Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên tính từ ngày được tuyển dụng, tiếp nhận và 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

c) Không quá 45 tuổi tính từ ngày có văn bản được cử đi đào tạo từ trình độ đại học trở lên.

d) Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo (tính từ thời

điểm nhập học cho tới khi được cấp bằng tốt nghiệp theo đúng quy định của cơ sở đào tạo).

đ) Chuyên ngành cử đi đào tạo phù hợp với yêu cầu chuyên môn của vị trí việc làm; Hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của cơ sở đào tạo (không áp dụng đối với trường hợp lưu ban).

e) Trường hợp đào tạo tại các cơ sở đào tạo nước ngoài, ngoài các quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản này phải đáp ứng các yêu cầu khác theo chương trình hợp tác đào tạo giữa Việt Nam với nước ngoài, văn bằng tốt nghiệp phải được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện cử đi đào tạo hoặc tiếp nhận kỹ thuật mới, chuyên sâu ngành y

a) Trường hợp đào tạo trong nước

Viên chức được cử đi đào tạo phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có chứng chỉ/giấy phép hành nghề theo quy định và có thời gian làm việc ít nhất 06 tháng tại các chuyên ngành được cử đi đào tạo.

Có thời gian đào tạo tập trung từ 01 tháng (30 ngày) trở lên theo chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo, không tính thời gian đi và về.

Phải cam kết làm việc tại đơn vị cử đi đào tạo sau khi hoàn thành chương trình đào tạo: Ít nhất 02 năm (24 tháng) đối với khóa đào tạo dưới 03 tháng; Ít nhất 03 năm (36 tháng) đối với khóa đào tạo từ 03-06 tháng; Ít nhất 04 năm (48 tháng) đối với khóa đào tạo từ 06 tháng trở lên.

Được cơ sở đào tạo/cơ sở y tế cấp chứng nhận/chứng chỉ hoàn thành khoá đào tạo/cập nhật kiến thức y khoa liên tục theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp đào tạo tại nước ngoài

Viên chức được cử đi đào tạo phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có thời gian đào tạo tập trung từ 07 ngày trở lên theo chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo, không tính thời gian đi và về.

Đáp ứng yêu cầu của khoá đào tạo. Phải cam kết làm việc tại đơn vị cử đi đào tạo sau khi hoàn thành chương trình đào tạo: ít nhất 05 năm (60 tháng).

Được cơ sở đào tạo ở nước ngoài cấp chứng nhận/chứng chỉ hoàn thành khoá đào tạo/cập nhật kiến thức y khoa liên tục theo quy định.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp y tế công lập tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật: Phải đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị để tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật theo yêu cầu của cơ sở đào tạo chuyển giao kỹ thuật. Cá nhân tham gia tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật phải đảm bảo điều kiện quy định tại điểm a khoản này.

3. Nguyên tắc hỗ trợ đào tạo

a) Hỗ trợ một lần bằng tiền sau khi có bằng tốt nghiệp hoặc có chứng nhận/chứng chỉ (đối với đào tạo kỹ thuật mới, chuyên sâu).

b) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được hưởng hỗ trợ đào tạo từ đề án của các bộ, ngành trung ương; học bổng từ nguồn tài trợ của Chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế thì không được hưởng hỗ trợ đào tạo theo quy định này.

c) Người đã được hưởng chính sách thu hút thì không được hưởng kinh phí hỗ trợ đào tạo và ngược lại.

d) Trường hợp tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật theo hình thức cầm tay chỉ việc (tại đơn vị): Đơn vị được hỗ trợ sau khi các cá nhân được nhận chứng nhận/chứng chỉ theo quy định.

4. Nội dung và mức hỗ trợ đào tạo

Công chức, viên chức được cử đi đào tạo được hưởng mức hỗ trợ như sau:

a) Người được công nhận chức danh giáo sư: 1.000 triệu đồng.

b) Người được công nhận chức danh phó giáo sư: 600 triệu đồng.

c) Người được cấp bằng tiến sĩ: 250 triệu đồng.

d) Người được cấp bằng thạc sĩ ngành, chuyên ngành quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này: 100 triệu đồng.

đ) Người được cấp bằng đại học ngành, chuyên ngành liên quan đến công nghệ thông tin: 50 triệu đồng.

e) Đào tạo sau đại học các chuyên ngành y được cấp bằng: Tiến sĩ 360 triệu đồng; chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú 170 triệu đồng; chuyên khoa cấp I, thạc sĩ 150 triệu đồng.

g) Đào tạo kỹ thuật mới, chuyên sâu ngành y:

Đào tạo tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh: Cá nhân được hỗ trợ 100%

tiền học phí đào tạo theo mức thu của các cơ sở đào tạo (nếu có); được hỗ trợ thêm chi phí sinh hoạt 05 triệu đồng/tháng.

Đào tạo tại các cơ sở y tế/cơ sở đào tạo tuyển trung ương/ngoài tỉnh: Cá nhân được hỗ trợ 100% tiền học phí đào tạo theo mức thu của các cơ sở đào tạo; Các chuyên ngành: Tâm thần, lao, HIV/AIDS, pháp y/y pháp, hồi sức - cấp cứu và chống độc, hồi sức tích cực, y học hạt nhân, giải phẫu bệnh, truyền nhiễm được hỗ trợ thêm chi phí sinh hoạt 10 triệu đồng/tháng, các chuyên ngành còn lại được hỗ trợ thêm chi phí sinh hoạt 08 triệu đồng/tháng.

Đào tạo ở nước ngoài: Cá nhân được hỗ trợ chi phí đào tạo theo quy định của các cơ sở đào tạo ở nước ngoài; chi phí ăn, ở: mức hỗ trợ tương đương 1.000 USD/01 tháng (theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước quy định); nếu thời gian đào tạo bồi dưỡng dưới 15 ngày thì hỗ trợ thanh toán theo thực tế; thời gian đào tạo bồi dưỡng từ 15 ngày đến dưới 01 tháng thì hỗ trợ bằng 01 tháng; Chi phí đi lại (một lượt đi và về theo giá vé phổ thông) cho cả khoá học; Chi phí bảo hiểm y tế trong thời gian đào tạo (nếu có); Chi phí làm thủ tục xuất, nhập cảnh.

Đơn vị sự nghiệp y tế công lập khi tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật theo hình thức cầm tay chỉ việc (tại đơn vị) từ các cán bộ y tế tuyển trung ương cho các đơn vị hoặc từ cán bộ tuyển tỉnh cho tuyến xã trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ 100% chi phí theo gói kỹ thuật/kỹ thuật theo hợp đồng chuyển giao kỹ thuật.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ đào tạo nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hợp đồng lao động

1. Điều kiện hỗ trợ đào tạo

Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hợp đồng lao động giảng dạy trình độ trung cấp, cao đẳng được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Không trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật hoặc đang trong thời gian thi hành kỷ luật.

b) Có hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật, giảng dạy các trình độ, ngành, nghề phục vụ công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và công nghiệp số (quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này) và đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh từ đủ 12 tháng liên tục trở

lên tính đến ngày có quyết định cử đi đào tạo của cấp có thẩm quyền.

c) Không quá 45 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ.

d) Cam kết thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo (tính từ thời điểm nhập học cho tới khi được cấp bằng theo đúng quy định của cơ sở đào tạo).

đ) Trường hợp đào tạo tại các cơ sở đào tạo nước ngoài thì văn bằng tốt nghiệp phải được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

e) Hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của cơ sở đào tạo (không áp dụng đối với trường hợp lưu ban).

2. Nguyên tắc hỗ trợ đào tạo

a) Hỗ trợ một lần bằng tiền khi được cấp bằng tiến sĩ, thạc sĩ.

b) Trường hợp được hưởng chính sách thu hút thì không được hưởng kinh phí hỗ trợ đào tạo và ngược lại.

3. Nội dung và mức hỗ trợ đào tạo

a) Người được cấp bằng tiến sĩ: 250 triệu đồng.

b) Người được cấp bằng thạc sĩ: 100 triệu đồng.

Điều 6. Hồ sơ hưởng chính sách

1. Hồ sơ hưởng chính sách thu hút cán bộ, công chức, viên chức gồm:

a) Quyết định tuyển dụng/tiếp nhận của cấp có thẩm quyền (bản sao);

b) Bằng công nhận tốt nghiệp, bằng điểm có liên quan (bản sao);

c) Bản cam kết làm việc tại cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Bắc Ninh;

d) Các văn bản, tài liệu khác liên quan (nếu có).

2. Hồ sơ hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức gồm:

a) Quyết định cử đi đào tạo của cấp có thẩm quyền (bản sao);

b) Bằng tốt nghiệp/chứng nhận/chứng chỉ đào tạo, bằng điểm (bản sao);

c) Chứng từ thanh toán theo chi phí thực tế đối với trường hợp đào tạo kỹ thuật chuyên sâu ở nước ngoài;

d) Bản cam kết làm việc tại cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Bắc Ninh sau đào tạo;

đ) Các văn bản, tài liệu khác liên quan (nếu có).

3. Hồ sơ hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo đối với đơn vị sự nghiệp y tế công lập tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật gồm:

- a) Hợp đồng đào tạo chuyển giao kỹ thuật;
- b) Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đào tạo chuyển giao kỹ thuật của đơn vị sự nghiệp y tế công lập với các cơ sở đào tạo;
- c) Các văn bản, tài liệu khác liên quan (nếu có).

4. Hồ sơ hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo đối với giáo viên giáo dục nghề nghiệp hợp đồng lao động gồm:

- a) Văn bản cử đi đào tạo của cấp có thẩm quyền (bản sao);
- b) Bằng tốt nghiệp/chứng nhận/chứng chỉ đào tạo, bằng điểm (bản sao);
- c) Bản cam kết làm việc tại cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Bắc Ninh sau đào tạo;
- đ) Các văn bản, tài liệu khác liên quan (nếu có).

Điều 7. Kinh phí

1. Kinh phí thực hiện thu hút, hỗ trợ đào tạo

a) Đối với các cơ quan, đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Kinh phí thu hút, hỗ trợ đào tạo do ngân sách tỉnh chi trả 100%.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Kinh phí thu hút, hỗ trợ đào tạo do ngân sách tỉnh chi trả 50%, đơn vị sự nghiệp công lập chi trả 50%.

c) Kinh phí từ ngân sách tỉnh để thu hút, hỗ trợ đào tạo được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị có đối tượng thụ hưởng chính sách. Đơn vị thuộc trường hợp nêu tại điểm b khoản này chủ động lập dự toán hàng năm để bảo đảm kinh phí đối ứng.

d) Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách tại Quy định này theo Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

2. Đền bù kinh phí

a) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hợp

đồng lao động không chấp hành sự phân công của cơ quan có thẩm quyền, tự ý bỏ việc, bị kỷ luật buộc thôi việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết thì phải hoàn trả số tiền đã nhận hỗ trợ theo tỷ lệ thời gian cam kết còn thiếu (Công thức tính đền bù như sau: Số tiền đền bù = Số tiền được nhận hỗ trợ/Thời gian cam kết (tháng) x số tháng còn thiếu so với cam kết). Trường hợp sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được hưởng thu hút, hỗ trợ đào tạo thì phải đền bù 100% số kinh phí đã được hỗ trợ theo quy định.

b) Thời gian hoàn trả kinh phí đền bù chậm nhất là 120 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu đền bù kinh phí của cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan, đơn vị ra quyết định chi trả thu hút, hỗ trợ đào tạo có trách nhiệm thông báo thu hồi và xử lý thu hồi đối với các trường hợp vi phạm cam kết hoặc sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được hưởng chính sách.

c) Trường hợp không thực hiện đúng, đầy đủ cam kết, hợp đồng do bản thân mắc bệnh hiểm nghèo, mất khả năng lao động đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật sẽ được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định miễn, giảm nghĩa vụ đền bù kinh phí đối với thời gian còn lại chưa thực hiện theo cam kết.

d) Trường hợp hưởng chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo được cơ quan có thẩm quyền quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển công tác sang cơ quan, đơn vị khác nhưng vẫn trong hệ thống các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý thì không phải đền bù kinh phí đã được hỗ trợ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND tỉnh Bắc Giang quy định một số chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2025-2030 tính đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực mà chưa hoàn thành khóa học theo quy định thì được hưởng chính sách hỗ trợ theo Quy định kèm theo Nghị quyết này.

2. Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo theo Nghị quyết số

11/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh Bắc Giang quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2021-2025 tính đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực mà chưa hoàn thành khóa học theo quy định thì tiếp tục được hỗ trợ theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND cho tới khi kết thúc khóa học theo quy định.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hợp đồng lao động; đơn vị sự nghiệp y tế công lập tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật có trách nhiệm lập dự toán kinh phí đề nghị Sở Tài chính cấp kinh phí và thực hiện chi trả kinh phí thu hút, hỗ trợ đào tạo theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện việc thu hồi và xử lý kinh phí đền bù theo quy định, chịu trách nhiệm pháp lý về hồ sơ chi trả, lưu trữ hồ sơ có liên quan theo quy định.

2. Chậm nhất ngày 30/10 của năm trước liền kề, cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt có văn bản đề nghị thu hút nguồn nhân lực, cử cán bộ, công chức, viên chức, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hợp đồng lao động đi đào tạo trong năm tiếp theo gửi Sở Nội vụ đối với khối Nhà nước, gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy đối với khối Đảng, đoàn thể để thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện việc thu hút hoặc cử đi đào tạo.

3. Trường hợp thu hút hoặc cử đi đào tạo ở trong nước hoặc nước ngoài không nằm trong kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt do phát sinh, cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức tổng hợp gửi đề nghị về Sở Nội vụ đối với khối Nhà nước, gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy đối với khối Đảng, đoàn thể để thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện việc thu hút hoặc cử đi đào tạo.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên rà soát, cập nhật danh mục Mã ngành, nghề do cơ quan có thẩm quyền quyết định; căn cứ nhu cầu thực tế, trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung danh mục ngành, nghề tại Phụ lục II kèm theo Quy định này, báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp thường lệ gần nhất./.

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quy định chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2026-2030)

Phụ lục I

Các ngành, chuyên ngành phục vụ công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp số, chuyển đổi số

STT	Ngành, chuyên ngành đào tạo
1	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông; Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật điện tử và tin học; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật viễn thông.
2	Tin học; Khoa học máy tính; Kỹ thuật máy tính; Khoa học máy tính và thông tin; Công nghệ thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; An toàn thông tin; Điện toán đám mây; Internet vạn vật; Dữ liệu lớn; Chuỗi khối; Trí tuệ nhân tạo.
3	Vật lý kỹ thuật; Vật lý chất rắn; Khoa học vật liệu; Vật lý vô tuyến và điện tử.
4	Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.
5	Thiết kế, chế tạo vi mạch bán dẫn/Công nghệ vi mạch tích hợp; Vi mạch bán dẫn; Công nghệ bán dẫn; Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch
6	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; Kỹ thuật điện; Công nghệ Kỹ thuật điện - điện tử; Kỹ thuật Robot; Kỹ thuật cơ khí chính xác.

Phụ lục II**Danh mục ngành, nghề giảng dạy của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp**

STT	Mã ngành, nghề (Cao đẳng/ Trung cấp)	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo			
			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Ghi chú
1	6520121/5520121	Cắt gọt kim loại	x	x	x	
2	6520123/5520123	Hàn	x	x	x	
3	5520117	Cơ khí chế tạo	x	x	x	
4	6520227/5520227	Điện công nghiệp	x	x	x	
5	6520263/5520263	Cơ điện tử	x	x	x	
6	6510216/5510216	Công nghệ ô tô	x	x	x	
7	6520225/5520225	Điện tử công nghiệp	x	x	x	
8	6520224/5520224	Điện tử dân dụng	x	x	x	
9	6480208/5480208	Quản trị cơ sở dữ liệu	x	x	x	
10	6480207/5480207	Lập trình máy tính	x	x	x	
11	6510312/5510312	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	x	x	x	
12	5520223	Điện công nghiệp và dân dụng	x	x	x	
13	6520226/5520226	Điện dân dụng	x	x	x	
14	6510303/5510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	x	x	x	
15	6510305	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	x		x	
16	5510305	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động		x	x	
17	6510401/5510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	x	x	x	
18	6510201/5510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	x	x	x	
19	6520201/5520201	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp	x	x	x	
20	6510313/5510313	Công nghệ kỹ thuật hệ thống năng lượng mặt trời	x	x	x	
21	6520270/5520270	Lắp đặt bảo trì hệ thống năng lượng tái tạo	x	x	x	
22	6510304/5510304	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	x	x	x	
23	6510314/5510314	Công nghệ kỹ thuật điện tử và năng lượng tòa nhà	x	x	x	

STT	Mã ngành, nghề (Cao đẳng/ Trung cấp)	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo			
			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Ghi chú
24	6480201/5480201	Công nghệ thông tin	x	x	x	
25	6480202/5480202	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	x	x	x	
26	6480205/5480205	Tin học ứng dụng	x	x	x	
27	6480104/5480104	Truyền thông và mạng máy tính	x	x	x	
28	6480102/5480102	Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính	x	x	x	
29	6480209/5480209	Quản trị mạng máy tính	x	x	x	
30	6210402/5210402	Thiết kế đồ họa	x	x	x	
31	6480203/5480203	Tin học văn phòng	x	x	x	
32	6480105	Công nghệ kỹ thuật máy tính	x	x	x	
33	5480215	Thiết kế và quản lý Website	x	x	x	
34	6520205/5520205	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	x	x	x	
35	5520264/6520264	Tự động hóa công nghiệp	x	x	x	
36	6510212/5510212	Công nghệ chế tạo máy	x	x		
37	6520105/5520105	Chế tạo khuôn mẫu	x	x		
38	6520111/5520111	Lắp ráp ô tô	x	x		
39	6520255/5520255	Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh	x	x		
40	6340122/5340122	Thương mại điện tử	x	x		
41	6340113/5340113	Logistics	x	x		
42	6340115/5340115	Dịch vụ thương mại hàng không	x	x		
43	6340409/5340409	Quản trị kinh doanh vận tải hàng không	x	x		
44	6480206/5480206	Xử lý dữ liệu	x	x		